

quá cảnh, mượn đường Việt Nam tinh từ cửa khẩu nhập tới cửa khẩu xuất.

Điều 2. — Khu vực kiểm soát hải quan được quy định như sau:

1. Khu vực kiểm soát hải quan dọc theo biên giới đất liền bao gồm các xã và các đơn vị hành chính tương đương trong khu vực biên giới Việt Nam.

2. Khu vực kiểm soát hải quan trên sông suối biên giới là phần sông suối biên giới trong phạm vi các xã và các đơn vị hành chính tương đương trong khu vực biên giới.

3. Khu vực kiểm soát hải quan dọc theo bờ biển và hải đảo bao gồm các xã và các đơn vị hành chính tương đương ở ven biển và hải đảo.

4. Khu vực kiểm soát hải quan trên biển bao gồm nội thủy, lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. — Căn cứ địa hình ở từng địa phương, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương thống nhất với Tổng cục Hải quan quy định cụ thể phạm vi khu vực kiểm soát hải quan nói tại các khoản 1, 2 của Điều 2 Nghị định này.

Điều 4. — Khi thi hành phận sự, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Hải quan Việt Nam cần hiệp đồng, phối hợp với các lực lượng khác cùng hoạt động trên 1 địa bàn.

Điều 5. — Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định này. Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy

ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 129-HĐBT ngày 20-4-1991 về trợ cấp cho công nhân, viên chức hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Từ ngày 1 tháng 5 năm 1991 trợ cấp 15% mức lương chức vụ (cấp bậc), mức trợ cấp và sinh hoạt phí đã được tính lại theo quyết định số 203-HĐBT ngày 28 tháng 12 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng cho công nhân, viên chức hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội. Riêng hạ sĩ quan và binh sĩ khoản trợ cấp thêm 15% chỉ tính trên phụ cấp quân hàm.

Các đối tượng nói trên, khi tính theo 15%, mà tiền trợ cấp thêm chưa được 4.000đ/tháng, thì bù thêm cho đủ 4.000 đồng.

653134

Đối với cán bộ, công nhân, viên chức khu vực sản xuất, kinh doanh, khoản trợ cấp này chỉ được áp dụng khi giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc theo quyết định số 176-HĐBT ngày 9 tháng 10 năm 1989 và tính vào giá thành hoặc phí lưu thông.

Những nơi đã quy định mức trợ cấp thêm cao hơn phải rút xuống cho bằng mức trợ cấp của Quyết định này. Ngân sách Nhà nước chỉ cấp bổ sung (hoặc tính toán khi phân bổ ngân sách) quỹ lương, quỹ trợ cấp của các đối tượng trên theo mức quy định tại điều 1 của Quyết định này.

Điều 2. - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội cùng Bộ Tài chính hướng dẫn và kiểm tra chặt chẽ việc thi hành Quyết định này. Đối với lực lượng vũ trang, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ hướng dẫn, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Bộ Tài chính.

Điều 3. - Thủ trưởng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và các Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 133-HĐBT ngày 20-4-1991 hướng dẫn thi hành Luật công đoàn.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật công đoàn ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Sau khi thỏa thuận với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. -

1. Các cấp chính quyền, cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức), chủ doanh nghiệp tư nhân (sau đây gọi tắt là chủ doanh nghiệp) tôn trọng quyền gia nhập công đoàn của người lao động và thành lập công đoàn theo Điều lệ công đoàn Việt Nam.

2. Việc thành lập một tổ chức công đoàn, từ công đoàn cơ sở trở lên phải được công đoàn cấp trên có thẩm quyền quyết định công nhận mới có tư cách pháp nhân.

Sau khi thành lập, Công đoàn gửi văn bản có kèm theo bản sao quyết định công nhận của công đoàn cấp trên có thẩm quyền đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ doanh nghiệp có liên quan thông báo rõ tên công đoàn, ngày thành lập, trụ sở làm việc, danh sách Ban chấp hành công đoàn và Chủ tịch công đoàn để xây dựng quan hệ công tác giữa hai bên, tạo điều kiện thuận lợi cho công đoàn hoạt động.

Điều 2. - Việc thành lập Hội những người lao động, trước hết là trong tiểu thủ công nghiệp, do công đoàn chỉ đạo. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội những người lao động.

Điều 3. -

1. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng (sau đây gọi chung là Bộ) phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam